

**DANH SÁCH**  
**HỌC SINH ĐƯỢC PHÊ DUYỆT MIỄN VÀ CẤP BÙ HỌC PHÍ**  
**5 THÁNG ĐẦU NĂM 2025, NĂM HỌC 2024 - 2025**  
**TRƯỜNG PTDTBT TH&THCS SÁ TỔNG**

(Kèm theo Quyết định số: 40 /QĐ-PGDĐT ngày 14/3/2025 của Phòng GD&ĐT)

| STT | Họ và tên học sinh | Lớp | Đối tượng chính sách | Mức hỗ trợ (đồng/tháng) | Số tháng được hỗ trợ | Tổng số tiền được hỗ trợ (đồng) | Họ và tên cha (mẹ) Hoặc người đỡ đầu | Địa chỉ thôn (bản, tổ dân phố), xã (phường) |             |           | Ghi chú |
|-----|--------------------|-----|----------------------|-------------------------|----------------------|---------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------|-------------|-----------|---------|
|     |                    |     |                      |                         |                      |                                 |                                      | Bản                                         | Xã/Thị trấn | Huyện     |         |
| 1   | 2                  | 3   | 4                    | 5                       | 6                    | 7=5*6                           | 8                                    | 9                                           | 10          | 11        | 12      |
| 1   | Giàng A Bách       | 6A  | Xã KV III            | 10.000                  | 5                    | 50.000                          | Giàng A Dơ                           | Phi 2                                       | Sá Tổng     | Mường Chà |         |
| 2   | Hồ A Bẫy           | 6A  | Xã KV III            | 10.000                  | 5                    | 50.000                          | Hồ A Lầu                             | Sá Tổng                                     | Sá Tổng     | Mường Chà |         |
| 3   | Hồ A Cường         | 6A  | Xã KV III            | 10.000                  | 5                    | 50.000                          | Sùng Thị Dợ                          | Dế Da                                       | Sá Tổng     | Mường Chà |         |
| 4   | Hồ A Chia          | 6A  | Xã KV III            | 10.000                  | 5                    | 50.000                          | Hồ Sáy Sùng                          | Xà Phình 2                                  | Sá Tổng     | Mường Chà |         |
| 5   | Giàng A Chứ        | 6A  | Xã KV III            | 10.000                  | 5                    | 50.000                          | Giàng Chờ Cá                         | Sá Ninh                                     | Sá Tổng     | Mường Chà |         |
| 6   | Hồ Mạnh Dế         | 6A  | Xã KV III            | 10.000                  | 5                    | 50.000                          | Hồ A Hạ                              | Dế Da                                       | Sá Tổng     | Mường Chà |         |
| 7   | Sùng A Dế          | 6A  | Xã KV III            | 10.000                  | 5                    | 50.000                          | Sùng A Di                            | Xà Phình 2                                  | Sá Tổng     | Mường Chà |         |
| 8   | Sùng Thị Dợ        | 6A  | Xã KV III            | 10.000                  | 5                    | 50.000                          | Sùng A Trầu                          | Phi 2                                       | Sá Tổng     | Mường Chà |         |
| 9   | Giàng Thị Dung     | 6A  | Xã KV III            | 10.000                  | 5                    | 50.000                          | Giàng A Chứ                          | Dế Da                                       | Sá Tổng     | Mường Chà |         |
| 10  | Giàng Thiên Đàn    | 6A  | Xã KV III            | 10.000                  | 5                    | 50.000                          | Giàng A Phía                         | Xà Phình 2                                  | Sá Tổng     | Mường Chà |         |
| 11  | Hồ A Hải           | 6A  | Xã KV III            | 10.000                  | 5                    | 50.000                          | Hồ A Dế                              | Trung Gênh                                  | Sá Tổng     | Mường Chà |         |
| 12  | Giàng A Hại        | 6A  | Xã KV III            | 10.000                  | 5                    | 50.000                          | Giàng A Chia                         | Xà Phình 1                                  | Sá Tổng     | Mường Chà |         |
| 13  | Giàng Thị Hoa      | 6A  | Xã KV III            | 10.000                  | 5                    | 50.000                          | Giàng A Chu                          | Xà phình 2                                  | Sá Tổng     | Mường Chà |         |
| 14  | Hồ A Hoàn          | 6A  | Xã KV III            | 10.000                  | 5                    | 50.000                          | Hồ A Páo                             | Phi 2                                       | Sá Tổng     | Mường Chà |         |
| 15  | Giàng A Hoàng      | 6A  | Xã KV III            | 10.000                  | 5                    | 50.000                          | Giàng Giả Trầu                       | Đề Dê                                       | Sá Tổng     | Mường Chà |         |
| 16  | Giàng A Kia        | 6A  | Xã KV III            | 10.000                  | 5                    | 50.000                          | Giàng Chồng Ma                       | Há Mùa Lừ                                   | Sá Tổng     | Mường Chà |         |
| 17  | Giàng A Khá        | 6A  | Xã KV III            | 10.000                  | 5                    | 50.000                          | Giàng A Sinh                         | Há Mùa Lừ                                   | Sá Tổng     | Mường Chà |         |
| 18  | Thào A Li          | 6A  | Xã KV III            | 10.000                  | 5                    | 50.000                          | Thào A Chò                           | Xà Phình 1                                  | Sá Tổng     | Mường Chà |         |
| 19  | Hồ Thị Liên        | 6A  | Xã KV III            | 10.000                  | 5                    | 50.000                          | Hồ A Sá                              | Sá Ninh                                     | Sá Tổng     | Mường Chà |         |
| 20  | Hồ A Lý            | 6A  | Xã KV III            | 10.000                  | 5                    | 50.000                          | Hồ A Cờ                              | Sá Tổng                                     | Sá Tổng     | Mường Chà |         |
| 21  | Giàng A Mờ         | 6A  | Xã KV III            | 10.000                  | 5                    | 50.000                          | Giàng Khoa Chính                     | Sà Phình 2                                  | Sá Tổng     | Mường Chà |         |
| 22  | Sùng Thị Phụng     | 6A  | Xã KV III            | 10.000                  | 5                    | 50.000                          | Sùng A Sú                            | Đề Dê                                       | Sá Tổng     | Mường Chà |         |
| 23  | Hồ Thị Si          | 6A  | Xã KV III            | 10.000                  | 5                    | 50.000                          | Hồ A Tú                              | Dế Da                                       | Sá Tổng     | Mường Chà |         |

|    |                   |    |           |        |   |        |                 |            |         |           |  |
|----|-------------------|----|-----------|--------|---|--------|-----------------|------------|---------|-----------|--|
| 24 | Sùng Thị Sinh     | 6A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Cơ       | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 25 | Giàng Thị Sú      | 6A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Đế      | Há Mùa Lừ  | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 26 | Giàng Thị Súa     | 6A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Nhè     | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 27 | Sùng A Tiến       | 6A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Minh     | Đề Dê      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 28 | Giàng Thị Thanh   | 6A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Di      | Xà phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 29 | Vàng A Thắng      | 6A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A Ly       | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 30 | Sùng Mạnh Thiên   | 6A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Vênh     | Đế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 31 | Sùng A Thường     | 6A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Tổng     | Đề Dê      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 32 | Sùng A Vư         | 6A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Thùng    | Trung Gênh | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 33 | Hồ Thị Xia        | 6A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ Chái Xá      | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 34 | Hồ Thị Xinh       | 6A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Chia       | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 35 | Sùng Thị Xua      | 6A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Cờ       | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 36 | Vàng A Quân       | 6A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A Di       | Sá Tổng    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 37 | Sùng A Va         | 6A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Dính     | Trung Gênh | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 38 | Sùng A Cảnh       | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Chung    | Trung Gênh | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 39 | Giàng Thị Chia    | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Cờ      | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 40 | Giàng A Chinh     | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Sào     | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 41 | Giàng Hoàng Cương | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Chá Hồ    | Đề Dê      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 42 | Giàng Thị Đích    | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Nhè Ly    | Đế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 43 | Sùng Thị E        | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Thị Lia   | Đế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 44 | Sùng Thị Gương    | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Sá       | Đề Dê      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 45 | Thào A Hồ         | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Thào A Nhừ      | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 46 | Sùng Thị Mỹ Hoa   | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Nhè      | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 47 | Giàng Thị Lia     | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Và      | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 48 | Giàng Thị Na      | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Khai    | Há Mùa Lừ  | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 49 | Sùng A Trư        | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Và Hồ      | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 50 | Giàng A Nam       | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Páo     | Đề Dê      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 51 | Giàng Thị Pà Nhè  | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Giống Hòa | Đế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 52 | Hồ A Phư          | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Thá        | Xá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 53 | Giàng Thị Phương  | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng nỏ Phía   | Đế da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 54 | Vàng A Phương     | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A Cộg      | Sá Tổng    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 55 | Vàng A Say        | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng Nỏ Hồ      | Trung Gênh | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 56 | Hồ A Sính         | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Dơ         | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 57 | Giàng A Sính      | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Hồ      | Sá Tổng    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 58 | Giàng A Thái      | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Lồng    | Lay Nưa    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 59 | Giàng Xuân Thành  | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Vênh    | Xà phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |

|    |                     |    |           |        |   |        |                 |             |               |           |  |
|----|---------------------|----|-----------|--------|---|--------|-----------------|-------------|---------------|-----------|--|
| 60 | Giàng A Thỏ         | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Minh Chua | Dế Da       | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 61 | Ly A Tinh           | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Ly A Trĩa       | Xà phình 2  | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 62 | Sùng A Toán         | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Hừ       | Đề Đề       | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 63 | Giàng A Trầu        | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Nhè Trừ   | Há Mùa Lừ   | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 64 | Hờ A Chua           | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ A Phà        | Phi 2       | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 65 | Giàng Thị Doanh     | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Chua    | Phi 2       | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 66 | Sùng Thị Gầu        | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Thị Má     | Phi 2       | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 67 | Thào A Mạnh         | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Thào A Sur      | Phi 2       | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 68 | Giàng Thị Thu       | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Thành   | Phi 2       | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 69 | Sùng A Tinh         | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Thá      | Phi 2       | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 70 | Vàng A Cửa          | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A Dơ       | Sá Ninh     | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 71 | Hờ Thị Dung         | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ A Cá         | Sá Ninh     | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 72 | Sùng A Tinh         | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Phái Sỏ    | Sá Ninh     | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 73 | Hờ Thị Xinh         | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ A Đế         | Sá Ninh     | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 74 | Giàng A Thống       | 6B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Do      | Bản mới     | Mường<br>Tùng | Mường Chà |  |
| 75 | Giàng A Anh         | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Xề      | Há Mùa Lừ   | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 76 | Hờ A Anh            | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ A Đế         | Dế Da       | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 77 | Hờ Thị Bấu          | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ A Phía       | Sá Tổng     | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 78 | Giàng A Dính        | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Thị Ía     | Xà Phình 1  | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 79 | Hờ Thị Dợ           | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ Va Páo       | Xá Ninh     | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 80 | Vàng A Dung         | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A Giồng    | Trung Ghênh | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 81 | Giàng Thị Dừng      | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Chờ Cháng | Xà Phình 2  | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 82 | Sùng A Dững         | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Va       | Phi 2       | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 83 | Giàng Thị Thanh Đơn | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Thị Mò    | Phi 2       | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 84 | Sùng A Hành         | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Hóa      | Xà Phình 1  | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 85 | Vàng A Hòa          | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A Trai     | Trung Ghênh | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 86 | Giàng A Hùng        | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Chia    | Dế Da       | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 87 | Giàng Thị Huyền     | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Vừ      | Xà Phình 1  | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 88 | Giàng A Khoa        | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Tá      | Đề Đề       | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 89 | Hàng A Si Lang      | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hàng A Dơ       | Phá Thông   | Mường Và      | Sốp Cộp   |  |
| 90 | Hờ A Lủ             | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ A Trầu       | Xà Phình 2  | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 91 | Sùng Thị Lủ         | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Chá      | Sá Ninh     | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 92 | Vàng A Minh         | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A Lồng     | Sá Tổng     | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 93 | Giàng Thị Nam       | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Lềnh    | Dế Da       | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 94 | Giàng Thị Nghi      | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Lồng    | Phi 2       | Sá Tổng       | Mường Chà |  |

|     |                    |    |           |        |   |        |                 |            |         |           |  |
|-----|--------------------|----|-----------|--------|---|--------|-----------------|------------|---------|-----------|--|
| 95  | Sùng A Nhanh       | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Chu      | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 96  | Giàng Thị Nhênh    | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Sáu Páo   | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 97  | Giàng Minh Phúc    | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Lữ      | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 98  | Giàng Thị Phụng    | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Thống   | Dế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 99  | Giàng Thị Say      | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Mùa     | Há Mùa Lữ  | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 100 | Hồ A Sơ            | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ Gà Và        | Đề Dê      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 101 | Hồ Thị Sức         | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Đà         | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 102 | Giàng Quyết Toán   | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Thái    | Dế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 103 | Hồ A Thiên         | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Thảo       | Dế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 104 | Sùng A Triệm       | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Sầu      | Đề Dê      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 105 | Giàng A Trung      | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Sơ      | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 106 | Giàng A Trừ        | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Tú      | Dế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 107 | Sùng Nguyên Trương | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Má       | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 108 | Giàng Thị Vi       | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Thị Hạ     | Đề Dê      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 109 | Giàng A Vinh       | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Lòng    | Há Mùa Lữ  | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 110 | Vàng A Cộn         | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A Mú       | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 111 | Sùng A Tùng        | 6C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Và Khai    | Đề Dê      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 112 | Hồ Thị Bia         | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Minh       | Xá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 113 | Giàng Thị Cầu      | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Như     | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 114 | Giàng Thị Chi      | 6A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Hồng    | Dế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 115 | Hồ Thị Chia        | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Nhè        | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 116 | Sùng Thị Công      | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Tú       | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 117 | Mùa A Cương        | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Mùa A Nù        | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 118 | Giàng A Dị         | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Di      | Há Mùa Lữ  | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 119 | Giàng A Dia        | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Chia    | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 120 | Giàng A Đình       | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Dừng Dành | Há Mùa Lữ  | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 121 | Sùng A Dung        | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Sái Sinh   | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 122 | Sùng A Dừng        | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Thị Hồ     | Sá Tổng    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 123 | Sùng Thị Ganh      | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Sáu Lữ     | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 124 | Giàng Thị Ganh     | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Thống   | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 125 | Sùng A Hoàn        | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Vanh     | Dế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 126 | Giàng A Hứ         | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Phong   | Đề Dê      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 127 | Hồ Thị Kía         | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Páo        | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 128 | Thảo Thị Lan       | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Thảo A Trỏ      | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 129 | Giàng Thị Lìa      | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Chua    | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 130 | Vàng A Ly          | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A Phình    | Trung Gênh | Sá Tổng | Mường Chà |  |

|     |                  |    |           |        |   |        |                |            |         |           |  |
|-----|------------------|----|-----------|--------|---|--------|----------------|------------|---------|-----------|--|
| 131 | Ly Thị Mò        | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Ly A Lữ        | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 132 | Hồ A Mú          | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Cờ        | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 133 | Hồ A Mừng        | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ Khoa Páo    | Sá Tổng    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 134 | Giàng Thị Nhè    | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Trĩa   | Dế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 135 | Giàng A Nhia     | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Páo    | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 136 | Giàng A Phía     | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Phà    | Xá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 137 | Giàng A Phương   | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Cá     | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 138 | Giàng Thị Phượng | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Phía   | Đề Đề      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 139 | Hồ Thị Sinh      | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Sinh      | Trung Gênh | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 140 | Giàng A Sinh     | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Xia    | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 141 | Sùng A Sương     | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Chá     | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 142 | Giàng A Thư      | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Vừ     | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 143 | Giàng A Thương   | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Thảo   | Đề Đề      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 144 | Sùng A Toán      | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Phình   | Trung Gênh | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 145 | Giàng Thị Sinh   | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Sứ     | Há Mùa Lữ  | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 146 | Giàng A Vương    | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Lồng   | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 147 | Giàng Thị Xinh   | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Hòa    | Dế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 148 | Sùng Thị Xua     | 6D | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Ninh    | Đề Đề      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 149 | Sùng Thị Sâu     | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Sáy Tú    | Huổi luân  | Lay Nưa | Mường Lay |  |
| 150 | Sùng A Thái      | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Sinh    | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 151 | Hồ Thị Nhi       | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Táng      | Sá Tổng    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 152 | Vàng A Sinh      | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng Súa Thánh | Sá Tổng    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 153 | Giàng A Quý      | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Nỏ Phử   | Dế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 154 | Ly Công Sinh     | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Ly Thị Giàng   | Dế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 155 | Sùng A Đế        | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Páo     | Dế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 156 | Giàng A Dương    | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Dững   | Dế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 157 | Hồ Thị Dấy       | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ Thị Sài     | Dế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 158 | Giàng Thị Phượng | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Phía   | Dế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 159 | Hồ A Chuyên      | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Thị Và    | Đề Đề      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 160 | Giàng A Tinh     | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Gà Sá    | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 161 | Giàng Thị Chính  | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Hồ     | Há Mùa Lữ  | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 162 | Sùng A Mạnh      | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Dơ      | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 163 | Sùng Thị Hoa     | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Tho     | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 164 | Sùng Thị Hoa     | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Di      | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 165 | Sùng A Chua      | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Và Hồ     | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 166 | Hồ A Chua        | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ Súa Dia     | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |

|     |                |    |           |        |   |        |                  |            |         |           |  |
|-----|----------------|----|-----------|--------|---|--------|------------------|------------|---------|-----------|--|
| 167 | Sùng A Trường  | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Lờ        | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 168 | Giàng Thị My   | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Phuong   | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 169 | Sùng Thị Súa   | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Lầu       | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 170 | Giàng A Hoa    | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Hồ       | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 171 | Sùng A Thành   | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Lông      | Đề Dê      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 172 | Giàng A Chung  | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Gió      | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 173 | Giàng A Long   | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Xìa      | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 174 | Giàng A Dế     | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Chứ      | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 175 | Giàng A Hoa    | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Thị Pà      | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 176 | Hờ Thị Dợ      | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ A Trĩa        | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 177 | Giàng A Và     | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Pà Vur     | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 178 | Ly A Hòa       | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Ly A Thông       | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 179 | Giàng A Xi     | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Cờ       | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 180 | Giàng Thị De   | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Ná       | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 181 | Giàng Thị Súc  | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Khoa Chính | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 182 | Hờ A Văn       | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ A Mùa         | Trung Gênh | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 183 | Vàng Thị Súa   | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A Sùng      | Trung Gênh | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 184 | Hờ Thị Ánh     | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ A Ninh        | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 185 | Vàng Thị Bảo   | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng Tùng Ly     | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 186 | Vàng Bác Hà    | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A Vinh      | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 187 | Giàng Thị Hoa  | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Chua     | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 188 | Sùng Thị Phụng | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Chá       | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 189 | Sùng Thị Xi    | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Trầu      | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 190 | Giàng A Công   | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Xá       | Đề Dê      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 191 | Hờ Thị Sur     | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ Chái Sá       | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 192 | Giàng A Cộg    | 7A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Chồg Ma    | Há Mùa Lừ  | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 193 | Giàng A Anh    | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Giốg Hoàn  | Đề Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 194 | Giàng Thị Bầu  | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Thu      | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 195 | Giàng Thị Be   | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Vừ       | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 196 | Giàng Xuân Bộ  | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Tiển Hùng  | Đề Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 197 | Hờ Thị Chét    | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ A Dờ          | Xà Phin 2  | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 198 | Hờ A Cộg       | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ A Minh        | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 199 | Hờ Mua Cung    | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ Sinh Giàng    | Đề Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 200 | Hờ A Cườg      | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Thị Dung    | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 201 | Sùng Thị Danh  | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Sính      | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 202 | Giàng Thị Dế   | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Ký       | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |

|     |                   |    |           |        |   |        |               |            |          |           |  |
|-----|-------------------|----|-----------|--------|---|--------|---------------|------------|----------|-----------|--|
| 203 | Giàng Thị Dợ      | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Giả Thề | Đề Dê      | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 204 | Vừ Thị Đĩa        | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vừ A Dia      | Trung Gênh | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 205 | Hồ Thị Dích       | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Sinh     | Sá Tổng    | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 206 | Giàng A Đông      | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Dế    | Há Mùa Lừ  | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 207 | Vàng Thị Hiền     | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A May    | Trung Gênh | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 208 | Hàng Thị Hoa      | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hàng A Dơ     | Phá Thông  | Mường Và | Sóp Cộp   |  |
| 209 | Hồ A Hùng         | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Cờ       | Phi 2      | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 210 | Sùng Thị Kía      | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Chờ Dế   | Đề Dê      | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 211 | Hồ A Lành         | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Thị Cá  | Xà Phình 2 | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 212 | Giàng Thị Sai Lia | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Páo   | Phi 2      | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 213 | Giàng Thành Long  | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Là    | Dế Da      | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 214 | Giàng A Lông      | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Chờ Nhè | Sá Ninh    | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 215 | Hồ A Lý           | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Ký       | Phi 2      | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 216 | Sùng Thị Lý       | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Cua    | Dế Da      | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 217 | Hồ A Mạnh         | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Ninh     | Phi 2      | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 218 | Giàng Thị Nhánh   | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Súa Mú  | Xà Phình 1 | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 219 | Hồ Thị Yến Nhi    | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Cờ       | Sá Ninh    | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 220 | Sùng Thị Nhi      | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Chờ Dia  | Phi 2      | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 221 | Hồ Thị Nu         | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Hải      | Xà Phình 2 | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 222 | Hồ A Phía         | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ Và Sùng    | Sá Ninh    | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 223 | Sùng A Phía       | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Lâu    | Đề Dê      | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 224 | Giàng A Quê       | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Vinh  | Đề Dê      | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 225 | Hồ Thị Sinh       | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Vừ       | Dế Da      | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 226 | Vàng Thị Sinh     | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A Tinh   | Sá Ninh    | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 227 | Hồ Thị Súa        | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Xá       | Dế Da      | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 228 | Thào Thị Sy       | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Thào A Dừng   | Phi 2      | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 229 | Hồ A Thành        | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Lầu      | Sá Ninh    | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 230 | Giàng A Thắng     | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Thào Thị Đór  | Xà Phình 1 | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 231 | Sùng A Thương     | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Chớ    | Phi 2      | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 232 | Giàng A Tiến      | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Lênh  | Xà Phình 2 | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 233 | Sùng Mạnh Tuấn    | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Cờ     | Dế Da      | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 234 | Hồ A Tùng         | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Tàng     | Sá Ninh    | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 235 | Vàng A Và         | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A Tủa    | Trung Gênh | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 236 | Hồ A Vinh         | 7B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Di       | Xà Phình 2 | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 237 | Giàng A Chua      | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Lầu   | Xà Phình 2 | Sá Tổng  | Mường Chà |  |
| 238 | Vàng A Chứ        | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A Sinh   | Sá Tổng    | Sá Tổng  | Mường Chà |  |

|     |                     |    |           |        |   |        |                 |            |         |           |  |
|-----|---------------------|----|-----------|--------|---|--------|-----------------|------------|---------|-----------|--|
| 239 | Sùng Thị Cúc        | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Trừ      | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 240 | Giàng A Củng        | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Dờ      | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 241 | Sùng A Cực          | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Hòa      | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 242 | Giàng A Cương       | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Mo      | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 243 | Giàng Thị Đà        | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Nhè Trừ   | Há Mùa Lừ  | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 244 | Giàng A Dính        | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Sấu Páo   | Đế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 245 | Giàng Thị Dụ        | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ Thị Pà       | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 246 | Giàng Thị Pa Dừa    | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A So      | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 247 | Giàng T Hà Như Hạnh | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Lừ      | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 248 | Thào(Thò) A Hồ      | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Thào(Thò) A Mua | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 249 | Giàng A Khác        | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Páo     | Đề Đề      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 250 | Sùng Thị Khoa       | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Đình     | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 251 | Hồ Thị Liêu         | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Phừ        | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 252 | Giàng A Long        | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Phong   | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 253 | Giàng A Long        | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Tớ      | Huổi luân  | Lay Nưa | Mường Lay |  |
| 254 | Hồ A Minh           | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Đế         | Đế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 255 | Sùng Thị Mo         | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Di       | Đề Đề      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 256 | Vàng Thị Mô         | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng Vàng Sùng  | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 257 | Giàng A Nà          | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Pò      | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 258 | Hồ Thị Nhanh        | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Lành       | Đề Đề      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 259 | Hồ Thị Nhe          | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Lành       | Đề Đề      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 260 | Giàng Thị Nhè       | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Vư      | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 261 | Sùng Thị Phương     | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Lý       | Đế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 262 | Hồ A Sinh           | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Trầu       | Sá Tổng    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 263 | Vàng A Sinh         | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A Trầu     | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 264 | Sùng A Sơn          | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Súa Tú     | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 265 | Giàng A Thổ         | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Páo     | Há Mùa Lừ  | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 266 | Giàng T Xuân Thủy   | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Sự      | Đế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 267 | Sùng A Tinh         | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Thị Máy    | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 268 | Giàng A Trung       | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Và      | Đế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 269 | Hồ A Tùng           | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Thị Nhè    | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 270 | Vàng A Văn          | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A Tá       | Trung Gênh | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 271 | Sùng Thị Văn        | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Tó       | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 272 | Sùng A Viện         | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Sấu Hoà    | Đế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 273 | Giàng A Vương       | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Xia     | Đế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 274 | Hồ A Xá             | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ Súa Phình    | Đế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |

|     |                |    |           |        |   |        |                        |            |               |           |  |
|-----|----------------|----|-----------|--------|---|--------|------------------------|------------|---------------|-----------|--|
| 275 | Giàng Thị Xi   | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Tủa            | Xà Phình 2 | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 276 | Hồ Thị Xía     | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Phở               | Sá Ninh    | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 277 | Hồ A Xương     | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Trầu              | Trung Gênh | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 278 | Giàng A Vư     | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Đế             | Đề Đề      | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 279 | Giàng Thị Dờ   | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Là             | Huổi luân  | Lay Nưa       | Mường Lay |  |
| 280 | Giàng A Cha    | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Sính           | Sá Ninh    | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 281 | Vàng A Lào     | 7C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng Vàng Dơ           | Trung Gênh | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 282 | Sùng Thị Cá    | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Sài             | Trung Gênh | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 283 | Giàng A Chiến  | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Súa Tính         | Đề Da      | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 284 | Giàng A Chức   | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Phái Sinh        | Đề Da      | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 285 | Hồ Thị Cú      | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Hải               | Xà Phình 2 | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 286 | Hồ Thị Dia     | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng Thị Dính ( mẹ)    | Phi 2      | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 287 | Giàng Thị Dụ   | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Mũ (Mú)        | Xà Phình 1 | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 288 | Vàng Thị Dung  | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A May (Mai)       | Trung Gênh | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 289 | Sùng A Gấu     | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng Thị Sung          | Đề Đề      | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 290 | Sùng Thị Giàng | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Lùng            | Đề Da      | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 291 | Giàng A Hai    | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Lồng           | Phi 2      | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 292 | Hồ A Hồng      | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Pinh              | Xà Phình 2 | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 293 | Hồ Mạnh Hồng   | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Thị Sâu          | Sá Ninh    | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 294 | Giàng A Huệ    | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ Thị Cờ              | Đề Da      | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 295 | Sùng A Hùng    | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Khá             | Sá Tổng    | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 296 | Hồ A Ký        | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ Sáy Trĩa            | Xà Phình 2 | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 297 | Hồ Thị Gầu Li  | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ Rú (Chủ) Giàng      | Sá Tổng    | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 298 | Giàng Thị Ly   | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Dũa (ông)      | Bản Mới    | Mường<br>Tùng | Mường Chà |  |
| 299 | Giàng A Nam    | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Ly Thị Dung (mẹ)       | Phi 2      | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 300 | Hồ Hồng Nha    | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Thị Chia          | Sá Ninh    | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 301 | Sùng Thị Pà    | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ Thị Mỹ              | Sá Ninh    | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 302 | Thò A Phía     | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Thò A Mua ( Mùa)       | Xà Phình 1 | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 303 | Giàng A Sinh   | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Đế             | Đề Đề      | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 304 | Sùng Thị Sinh  | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Chớ             | Phi 2      | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 305 | Vàng A Sơ      | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A Chá             | Trung gênh | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 306 | Sùng Thị Súng  | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Chồng Giàng (Già) | Phi 2      | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 307 | Giàng A Thắng  | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Vả             | Xà Phình 1 | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 308 | Giàng A Vả     | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Tua            | Xà Phình 2 | Sá Tổng       | Mường Chà |  |
| 309 | Hồ A Vả        | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Cộg               | Xà Phình 2 | Sá Tổng       | Mường Chà |  |

|     |                |    |           |        |   |        |                 |           |         |           |  |
|-----|----------------|----|-----------|--------|---|--------|-----------------|-----------|---------|-----------|--|
| 310 | Sùng Thị Vần   | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Só       | Đề Đề     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 311 | Giàng A Lâu    | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Lồng    | Hỏi Luân  | Lay Nửa | Mường Chà |  |
| 312 | Sùng A Cương   | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Thá      | Phi 2     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 313 | Hầu A Long     | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hầu A Tủa       | Phi 2     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 314 | Sùng A Khứ     | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Chùng Chua | Sá Ninh   | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 315 | Giàng Thị Chi  | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ Thị Sung     | Đề Da     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 316 | Sùng A Cộn     | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Pó       | Phi 2     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 317 | Vừ A Sú        | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vừ A Chí        | Há Mùa Lừ | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 318 | Vừ A Thi       | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vừ A Cầu        | Há Mùa Lừ | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 319 | Sùng A Trư     | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Thị Dí    | Sá Ninh   | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 320 | Sùng A Vương   | 8A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Dia      | Phi 2     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 321 | Giàng Thị Xia  | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Thề     | Đề Da     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 322 | Thào Thị Lia   | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Thào A Sur      | Phi 2     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 323 | Hồ A Danh      | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Thống      | Đề Da     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 324 | Hồ A Tria      | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Thào       | Đề Da     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 325 | Giàng A Vinh   | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Lầu     | Đề Da     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 326 | Giàng A Da     | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Thành   | Đề Da     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 327 | Giàng Thị Dí   | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Bia Hồ    | Đề Da     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 328 | Giàng A Huynh  | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Mão     | Đề Da     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 329 | Sùng A Hừ      | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Thùng    | Đề Da     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 330 | Sùng Thị Lú    | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Chồng    | Đề Đề     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 331 | Giàng Thị Lễ   | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Sùng    | Đề Đề     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 332 | Giàng Thị Ía   | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Gấu     | Đề Đề     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 333 | Sùng Thị La    | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Trừ      | Đề Đề     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 334 | Hồ A Cộn       | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hầu A Chia      | Đề Đề     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 335 | Sùng A Đế      | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Sáy Tú     | Huổi Luân | Lay Nửa | Mường Lay |  |
| 336 | Hồ Văn Lợi     | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ Súa Thống    | Phi 2     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 337 | Sùng Thị Lia   | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Sính     | Phi 2     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 338 | Sùng Thị Say   | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Di       | Phi 2     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 339 | Giàng A Trường | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Chử Thành | Phi 2     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 340 | Hồ A Lồng      | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Lù         | Phi 2     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 341 | Sùng A Đình    | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Phong    | Phi 2     | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 342 | Hồ Thị Máy     | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Cờ         | Sá Tổng   | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 343 | Vàng A Bình    | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A Phà      | Sá Tổng   | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 344 | Sùng A Thư     | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Va       | Sá Tổng   | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 345 | Hồ Thị Chua    | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Tàng       | Sá Ninh   | Sá Tổng | Mường Chà |  |

|     |                    |    |           |        |   |        |                |            |         |           |  |
|-----|--------------------|----|-----------|--------|---|--------|----------------|------------|---------|-----------|--|
| 346 | Giàng A Ong        | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ Thị Pà      | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 347 | Sùng A Lòng        | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Chứ Giành | Há Mùa Lừ  | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 348 | Vàng A Định        | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A Cống    | Trung Gênh | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 349 | Giàng A Chu        | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Ná     | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 350 | Thào Thị Phân      | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Thào A Như     | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 351 | Giàng Thị Mỹ       | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Sò     | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 352 | Giàng A Canh       | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Vả     | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 353 | Giàng A Hoa        | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Sáu Páo  | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 354 | Giàng A Vi         | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Tú     | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 355 | Giàng A Súa        | 8B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Gà Thái  | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 356 | Hồ A Lênh          | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Tú        | Đế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 357 | Giàng Thị Gầu Sinh | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Chứ    | Đế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 358 | Giàng A Thành      | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Chia   | Đế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 359 | Hồ A Sinh          | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Nhè       | Đế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 360 | Sùng A Cán         | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Vênh    | Đế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 361 | Sùng Thị Vân       | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Cửa     | Đề Dê      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 362 | Sùng A Khai        | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Đế      | Đề Dê      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 363 | Sùng Thị Dưa       | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Sính    | Đề Dê      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 364 | Hồ Thị Sinh        | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Hoà       | Đề Dê      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 365 | Sùng A Hùng        | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Hừ      | Đề Dê      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 366 | Hồ A Vươn          | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Cơ        | Sá Tổng    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 367 | Hồ Thị Guơng       | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Hòa       | Sá Tổng    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 368 | Giàng A Nguyên     | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Vừ     | Huổi Luân  | Lay Nưa | Mường Lay |  |
| 369 | Hồ A Nhia          | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ Chứ Cửa     | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 370 | Giàng Thị Ly       | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Súa Cá   | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 371 | Giàng Thị Dấu      | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Chua   | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 372 | Sùng Thế Anh       | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Thị Lìa   | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 373 | Giàng Thị Chia     | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Sò     | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 374 | Giàng A Bi         | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Tú     | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 375 | Thào A Sinh        | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Thào Sáy Thề   | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 376 | Hầu Xuân Cường     | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hầu A Lự       | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 377 | Sùng A Hòa         | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Chớ     | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 378 | Ly A Cá            | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Thị Gênh  | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 379 | Hồ Thị Cá          | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Minh      | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 380 | Hồ A Long          | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Cờ        | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 381 | Hầu Thị Xuân       | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hầu A Phía     | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |

|     |                 |    |           |        |   |        |                |            |         |           |  |
|-----|-----------------|----|-----------|--------|---|--------|----------------|------------|---------|-----------|--|
| 382 | Hồ Thị May      | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Sá        | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 383 | Sùng A Dế       | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Hoá     | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 384 | Sùng A Dính     | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Chu     | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 385 | Vàng A Tria     | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A Sớ      | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 386 | Hồ Thị Chua     | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Súa       | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 387 | Giàng A Vỉnh    | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Ly Thị Dợ      | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 388 | Hồ A Cộg        | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Trĩa      | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 389 | Giàng A Phương  | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Lử     | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 390 | Sùng Thị Dính   | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Nhè     | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 391 | Giàng A Cường   | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Chu    | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 392 | Vàng A Tiến     | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A Sính    | Trung Gênh | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 393 | Vàng A Vư       | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng Nhè Hoa   | Trung Gênh | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 394 | Sùng A Hồ       | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Dính    | Há Mùa Lử  | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 395 | Giàng A Trung   | 8C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Thị Lá    | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 396 | Sùng A Anh      | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Thị Lia  | Đế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 397 | Hồ A Bách       | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ Chừ Ma      | Sá Tổng    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 398 | Giàng Thị Bia   | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Mo     | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 399 | Sùng Thị Bâu    | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Sính    | Đề Dê      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 400 | Giàng A Công    | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Xĩa Mo   | Đề Dê      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 401 | Sùng A Cường    | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Pó      | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 402 | Hồ A Châu       | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ Khoa Páo    | Sá Tổng    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 403 | Giàng A Chua    | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Nhè Sùng | Đế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 404 | Sùng Thị Chua   | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Súa     | Đề Dê      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 405 | Hồ Thị Dừa      | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Lủ        | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 406 | Vàng A Dung     | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A Thống   | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 407 | Vàng A Dia      | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng Trùng Tủa | Trung Gênh | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 408 | Giàng A Dương   | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Phía   | Đế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 409 | Giàng A Hai     | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Chừ    | Đề Dê      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 410 | Hồ Thị Pàng Hoa | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Cờ        | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 411 | Giàng A Hòa     | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Sự     | Đế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 412 | Hồ A Hoàn       | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ A Mả        | Sá Tổng    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 413 | Giàng A Hùng    | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Hồ     | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 414 | Sùng Thị Kía    | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Sáy Tú    | Huổi Luân  | Lay Nưa | Mường Lay |  |
| 415 | Giàng Thị Kía   | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Kỳ     | Phi 2      | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 416 | Giàng Thị Khừa  | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Phía   | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 417 | Hồ A Long       | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hồ Bia Sính    | Đế Da      | Sá Tổng | Mường Chà |  |

|     |                 |    |           |        |   |        |                   |            |         |           |  |
|-----|-----------------|----|-----------|--------|---|--------|-------------------|------------|---------|-----------|--|
| 418 | Sùng A Long     | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Chờ Lữ       | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 419 | Sùng A Phân     | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Giống Hạ     | Há Mùa Lữ  | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 420 | Giàng A Phong   | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Chữ       | Dế Da      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 421 | Giàng A Phong   | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Dơ        | Phi 2      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 422 | Hờ A Phương     | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ A Sính         | Sá Tổng    | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 423 | Hờ A Quang      | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ Thị Mỹ         | Dế Da      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 424 | Giàng A Sái     | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Gà Sá       | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 425 | Giàng Thị Sính  | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Trầu      | Đề Dê      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 426 | Hờ A Sinh       | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ A Hòa          | Đề Dê      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 427 | Sùng Thị Thu    | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Sú         | Đề Dê      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 428 | Sùng A Trứ      | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Giống Chính  | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 429 | Giàng Hải Vân   | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Chữ Thành   | Phi 2      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 430 | Sùng A Vương    | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Dia        | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 431 | Giàng A Hội     | 9A | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Phía      | Xà Phình 2 | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 432 | Giàng Thị Hoa   | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Chồng Chính | Dế Da      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 433 | Giàng A Sinh    | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Nỏ Phừ      | Dế Da      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 434 | Giàng A Thu     | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Trĩa      | Dế Da      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 435 | Giàng A Tình    | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Và        | Dế Da      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 436 | Sùng A Lữ       | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng Giả Chua     | Đề Dê      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 437 | Sùng Thị Pà     | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Hờ         | Đề Dê      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 438 | Giàng A Sơn     | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Páo       | Đề Dê      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 439 | Giàng Ngọc Sơn  | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Sính      | Đề Dê      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 440 | Hờ A Vả         | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ A Lữ           | Đề Dê      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 441 | Hờ Thị Tấu      | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ A Củ           | Phi 2      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 442 | Hầu Thị Dinh    | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hầu A Tủa         | Phi 2      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 443 | Hờ A Hiện       | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ Chờ Lữ         | Phi 2      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 444 | Sùng Thị Hóa    | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Di         | Phi 2      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 445 | Giàng A Long    | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Sự        | Phi 2      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 446 | Sùng Thị Lý     | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Trầu       | Phi 2      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 447 | Thào Thị Ly     | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Thào A Páo        | Phi 2      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 448 | Hờ Thị Pà       | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ A Phừ          | Phi 2      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 449 | Sùng Thị Thá    | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Chá        | Phi 2      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 450 | Giàng Thị Thắng | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Vả Sính     | Phi 2      | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 451 | Hờ A Công       | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ A Lòng         | Sá Tổng    | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 452 | Vàng A Hùng     | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng Xứ Sính      | Sá Tổng    | Sá Tổng | Mương Chà |  |
| 453 | Hờ A Huyền      | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ A Phía         | Sá Tổng    | Sá Tổng | Mương Chà |  |

|     |                 |    |           |        |   |        |                |            |            |           |  |
|-----|-----------------|----|-----------|--------|---|--------|----------------|------------|------------|-----------|--|
| 454 | Giàng A Chua    | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Tùng Dĩa | Xà Phình   | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 455 | Sùng A Chua     | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng trùng Tủa | Xà Phình   | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 456 | Sùng A Đông     | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Trừ     | Xà Phình   | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 457 | Giàng A Khoa    | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Di     | Xà Phình   | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 458 | Giàng A Ninh    | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Chử Chỏ  | Xà Phình   | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 459 | Giàng Và Sinh   | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Phá    | Xà Phình   | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 460 | Giàng A Sơ      | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Cầu    | Xà Phình   | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 461 | Sùng A Mùa      | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Ninh    | Há Mùa Lừ  | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 462 | Vàng A Cờ       | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Vàng A Sùng    | Trung Gênh | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 463 | Hờ A Pha        | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ A Phở       | Sá Ninh    | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 464 | Hờ Thị Nhung    | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ A Páo       | Sá Ninh    | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 465 | Giàng A Dờ      | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng chờ Cá   | Sá Ninh    | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 466 | Hờ Chiến Thắng  | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ A Hạ        | Đế Da      | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 467 | Hờ Thị Sinh     | 9B | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ A Đế        | Đế Da      | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 468 | Giàng Thị Nủ    | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Súa    | Tin Tộc    | Mường Tùng | Mường Chà |  |
| 469 | Giàng A Bảo     | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Xĩa    | Đế Da      | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 470 | Giàng Thị Huyện | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Là     | Đế Da      | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 471 | Giàng A Phong   | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Nhè Ly   | Đế Da      | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 472 | Giàng A Quý     | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Sự     | Đế Da      | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 473 | Giàng Thị Vân   | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Hùng   | Đế Da      | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 474 | Giàng Thị Cá    | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Xĩa Lòng | Đề Dê      | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 475 | Giàng Thị Dung  | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Pó     | Đề Dê      | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 476 | Sùng A Hồng     | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Páo     | Đề Dê      | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 477 | Hờ Thị Hòa      | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ Gà Và       | Đề Dê      | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 478 | Sùng A Thu      | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Dờ      | Đề Dê      | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 479 | Sùng Thị Dừa    | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng Thị Linh | Đề Dê      | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 480 | Sùng A Gọi      | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Lù      | Phi 2      | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 481 | Sùng A Hồng     | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Tho     | Phi 2      | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 482 | Giàng Thị Nga   | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Phương | Phi 2      | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 483 | Sùng Thị Sinh   | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Lầu     | Phi 2      | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 484 | Sùng A Và       | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Cờ      | Phi 2      | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 485 | Giàng Thị Lia   | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Giàng A Chua   | Phi 2      | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 486 | Hờ Xuân Hương   | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ A Thái      | Sá Tổng    | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 487 | Hờ A Minh       | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Hờ Dứa Bình    | Sá Tổng    | Sá Tổng    | Mường Chà |  |
| 488 | Sùng A Công     | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000 | Sùng A Di      | Sá Ninh    | Sá Tổng    | Mường Chà |  |

|                                                                                |              |    |           |        |   |            |                  |            |         |           |  |
|--------------------------------------------------------------------------------|--------------|----|-----------|--------|---|------------|------------------|------------|---------|-----------|--|
| 489                                                                            | Ly Thị Gênh  | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000     | Ly A Lữ          | Sá Ninh    | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 490                                                                            | Giàng A Khấp | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000     | Giàng A Chua     | Há Mùa Lừ  | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 491                                                                            | Giàng A Minh | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000     | Giàng Phình Va   | Há Mùa Lừ  | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 492                                                                            | Vàng A Chung | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000     | Vàng A Thà       | Trung Gênh | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 493                                                                            | Vàng A Hùng  | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000     | Vàng A Phà       | Trung Gênh | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 494                                                                            | Vàng A Khoa  | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000     | Vàng Giả Bình    | Trung Gênh | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 495                                                                            | Giàng A Chá  | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000     | Giàng Giống Sính | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 496                                                                            | Sùng A Chủ   | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000     | Sùng A Minh      | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 497                                                                            | Giàng A Cửa  | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000     | Giàng A Chứ      | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 498                                                                            | Sùng A Dinh  | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000     | Sùng A Chu       | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 499                                                                            | Giàng A Hồng | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000     | Giàng A Phòng    | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 500                                                                            | Vàng A Ninh  | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000     | Vàng A Trầu      | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 501                                                                            | Sùng A Sa    | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000     | Sùng A Chớ       | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| 502                                                                            | Hờ A Hừ      | 9C | Xã KV III | 10.000 | 5 | 50.000     | Hờ A Bình        | Xà Phình 1 | Sá Tổng | Mường Chà |  |
| <b>Tổng</b>                                                                    |              |    |           |        |   | 25.100.000 |                  |            |         |           |  |
| <b>Số tiền bằng chữ: Hai mươi năm triệu một trăm nghìn đồng chẵn</b>           |              |    |           |        |   |            |                  |            |         |           |  |
| <b>Tổng số học sinh được miễn, giảm, cấp bù chi phí học tập: 502 học sinh.</b> |              |    |           |        |   |            |                  |            |         |           |  |